



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
&
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 179, số 03, 2018

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Nghiêm Thị Hồ Thu - Cơ sở hình thành đặc điểm văn xuôi Ngọc Giao	3
Vũ Thị Hạnh - Từ ý thức về phái tính đến hình tượng người phụ nữ hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI	9
Phạm Thị Ngọc Anh - Ứng dụng hoa văn thùy ba trong điêu khắc tượng đài đương đại ở Việt Nam	15
Phùng Phương Nga, Đoàn Đức Hải - Biểu tượng trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh (Khảo sát qua <i>Hồ Quý Ly, Máu thượng ngàn, Đội gạo lên chùa</i>)	21
Vũ Thúy Hằng, Đoàn Thị Hồng Nhung - Luận bản về cách phân loại tín ngưỡng thờ Mẫu	25
Phạm Văn Hùng, Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Thị Thu Hương - Đại học Thái Nguyên với hoạt động đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo qua mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp	31
Hoàng Duy Trường - Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	37
Hoàng Thu Thủy, Lý Trung Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh – người đặt nền móng cho quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam	45
Trần Thị Lan - Vận dụng thuyết kiến tạo trong dạy học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin” ở các trường đại học	49
Nguyễn Thanh Tú - Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Giao thông Vận tải, cơ sở đào tạo Thái Nguyên	55
Nguyễn Thị Hoài Thu - Một số phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Việt một cách hiệu quả cho học viên quốc tế tại Học viện Kỹ thuật Quân sự	61
Ngô Thị Lan Anh, Võ Văn Trí - Sự cần thiết của việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho thanh niên ở thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	67
Lê Văn Hiếu - Công tác tuyên truyền qua mô hình “ban tuyên vận” xã, phường, thị trấn và “tổ tuyên vận” thôn, bản, tổ dân phố ở huyện Bắc Hà (tỉnh Lào Cai)	73
Trần Hoàng Tinh, Trần Văn Khánh, Nguyễn Trung Kiên - Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong giai đoạn hiện nay	79
Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Thị Hoàng Lan - Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình đào tạo cử nhân giáo dục chính trị của trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	85
Đỗ Thị Ngọc Phương, Trần Thị Thảo - Phát huy thế mạnh đề án trong ngôn ngữ viết được sử dụng bởi sinh viên chuyên ngữ năm 2, trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	91
Vũ Đình Bắc, Lý Mai Hương, Hoàng Thị Hồng Hạnh - Sử dụng hoạt động nhóm để nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ năm nhất trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	97
Nguyễn Thị Hằng, Lê Thị Quyên, Nguyễn Lệ Mai, Vũ Thị Lệnh - Tổ chức học trải nghiệm chủ đề “sâu, bệnh hại cây trồng” (Công nghệ 10 - THPT)	103
Nguyễn Thị Khương - Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trung học phổ thông	109
Lại Thu Uyên, Vũ Đình Bắc, Nguyễn Thành Long - Nâng cao ngữ pháp cho sinh viên chuyên ngữ năm 3 trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên thông qua kiểm tra chéo	115
Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Hà Thị Như Quỳnh - Sử dụng kỹ thuật bắt chước trong việc nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên năm 2 không chuyên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121

Nguyễn Nam Hà, Nguyễn Thị Thủy - Đánh giá thực trạng thể chất của sinh viên Đại học Thái Nguyên	127
Vũ Thị Thanh Thủy, Chu Văn Trung, Cao Thùy Linh - Nghiên cứu thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên	133
Trần Thị Ngọc Hà - Nghiên cứu mô hình kinh tế nông hộ nhằm quản lý và sử dụng đất dốc bền vững tại vùng trồng chè La Bằng, Đại Từ, Thái Nguyên	139
Nguyễn Văn Tâm, Hà Thị Hòa, Bùi Thị Minh Hà, Lê Thị Hoa Sen, Đặng Thị Hương - Ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	143
Hoàng Văn Hải, Hoàng Thị Thu Hằng - Ảnh hưởng của phân bón đến năng suất lúa tại Thái Nguyên	149
Đặng Thương Hoài Linh, Lý Thu Trang - Bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam	155
Đỗ Tuyết Ngân - Vai trò của phụ nữ trong phát triển du lịch cộng đồng ở thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	163
Vũ Thị Thu - Đánh giá sự thay đổi sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	169
Phạm Thị Thanh Mai, Trần Lệ Kim, Nguyễn Thị Lan - Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất chè tại thành phố Thái Nguyên	175
Nguyễn Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Thu Thủy - Đánh giá hiệu quả của các loại hình sử dụng đất nông nghiệp xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	181
Đặng Quỳnh Trinh, Trần Văn Hùng - Công tác kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	187

ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Vũ Thị Thu*

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề đáng quan tâm ở các nước đang phát triển trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Việt Nam. Nghiên cứu phân tích các tác động của biến đổi khí hậu đối với việc sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định, một huyện ven biển phía Bắc Việt Nam xảy ra rất nhiều thiên tai hàng năm. Bên cạnh sử dụng số liệu thứ cấp, phương pháp phỏng vấn hộ gia đình được thực hiện để tìm hiểu các biện pháp thích ứng đã thực hiện. Xu hướng gia tăng một số yếu tố khí hậu như nhiệt độ trung bình năm, tổng lượng mưa hàng năm... đã góp phần vào sự suy giảm diện tích đất nông nghiệp, giảm năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Nông dân đã áp dụng một số biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và đạt một số kết quả mong đợi. Tuy nhiên, do sự biến động của thời tiết, thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp thấp, các hộ gia đình thường tìm các nghề phi nông nghiệp để duy trì cuộc sống.

Từ khoá: biến đổi khí hậu, Giao Thủy, Nam Định, thay đổi sử dụng đất, đất nông nghiệp.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định nằm ở cực Nam đồng bằng sông Hồng, là khu vực nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. Giao Thủy có vị trí địa lý và điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp với nhiều loại hình đa dạng, đặc trưng như chuyên lúa, lúa – cá nước ngọt, lúa – tôm nước mặn,... Tuy nhiên, hàng năm Giao Thủy thường chịu ảnh hưởng của siêu bão, bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân 4-6 trận/năm. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như tăng nhiệt độ, thay đổi lượng mưa... nước biển dâng, xâm nhập mặn (XNM) đang gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, làm suy giảm diện tích đất nông nghiệp, đe dọa an ninh lương thực của huyện. Vì thế, nghiên cứu đánh giá sự thay đổi sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định được thực hiện với mục tiêu cụ thể: (1) Xem xét những thay đổi về thời tiết, ảnh hưởng của nó đến hoạt động sản xuất và sử dụng đất nông nghiệp; (2) Tìm hiểu các biện pháp thích ứng của người dân đã và đang áp dụng; (3) Đề xuất giải pháp tăng cường khả năng thích ứng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu

Điều tra thu thập số liệu thứ cấp

Điều tra, thu thập thông tin về thay đổi khí hậu của huyện Giao Thủy từ trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia để nắm được sự thay đổi về thời tiết của huyện; số liệu thống kê về đất đai, kinh tế, xã hội của huyện Giao Thủy tại hai thời điểm 2000, 2017 để tìm hiểu những thay đổi sử dụng đất, thay đổi nguồn thu của hộ để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phương pháp điều tra thu thập tài liệu sơ cấp

Nghiên cứu thực địa nhằm lựa chọn được khu vực nghiên cứu điển hình và bổ sung các tài liệu thực tế tại khu vực nghiên cứu điển hình đó. Sau khi xác định được khu vực nghiên cứu là xã Giao Yên và xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, phương pháp phỏng vấn hộ gia đình bằng phiếu câu hỏi điều tra soạn sẵn được sử dụng để thu thập thông tin cơ bản về hộ gia đình, thông tin liên quan đến các hoạt động sinh kế của hộ gia đình, và các giải pháp ứng phó với thiên tai. Các hộ được lựa chọn điều tra là những hộ mang tính đại diện cho từng loại hình sản xuất, phải bao gồm các hộ giàu, khá, và nghèo

* Tel: 0984711635; Email: vuthithucp@gmail.com

theo hướng dẫn của cán bộ địa phương, tổng số hộ gia đình được điều tra là 125 hộ.

Phương pháp tổng hợp và phân tích thông tin

+ Phương pháp thống kê kinh tế: thống kê mô tả (mô tả ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết cục đoạn), thống kê so sánh (thay đổi sử dụng đất), phân tổ thống kê (các loại đất nông nghiệp).

+ Phương pháp tổng hợp số liệu: sử dụng phần mềm excel để tổng hợp số liệu khí hậu, số liệu về thay đổi sử dụng đất và số liệu điều tra nông hộ.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của nó tới đời sống và sản xuất tại huyện Giao Thủy

Nhiệt độ và lượng mưa

Theo bảng tổng hợp đặc trưng nhiệt độ nhiều năm tại huyện Giao Thủy, nhiệt độ trung bình cao nhất có xu hướng gia tăng từ năm 2000-2017, nhiệt độ trung bình cao nhất rơi vào tháng 6, 7, 8 (dao động từ 28.7-29.40^oc) [1].

Lượng mưa trung bình năm từ 1650-1800mm; Lượng mưa phân bố không đều theo mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 83-85% lượng mưa cả năm (lượng

mưa trung bình đạt từ 150 - 380mm), Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chiếm khoảng 15-17% lượng mưa cả năm [1]. Khi nắng hạn kéo dài, lượng mưa vào mùa mưa đến trễ và giảm sút gây thiếu nước ngọt sản xuất; trong khi đó, lượng mưa trái mùa tăng sẽ gây ngập úng diện tích hoa màu và thất thoát thủy sản.

Nước biển dâng và xâm nhập mặn

Nước biển dâng: Theo số liệu thống kê, có trên 50% cơn bão đổ bộ vào Bắc Bộ gây nước dâng trên 1 m, 30% cơn bão gây nước dâng 1,5 m trở lên và 11% cơn bão gây nước dâng trên 2 m. Mỗi năm mực nước biển tại khu vực Giao Thủy tăng lên 2,15 mm, cùng với đó đường bờ biển bị lấn vào trung bình 10 m [2].

XNM: Hiện tượng XNM ở Giao Thủy diễn ra từ tháng 11 năm trước đến tháng 5 năm sau. Từ năm 2009 đến nay, độ mặn cao và sâu vào trong sông đều xuất hiện sớm từ tháng 11, trên triền sông Hồng tại cống Hạ Miêu I các mẫu độ mặn chứng minh rõ tình trạng XNM ngày một gia tăng; độ mặn đo được tháng 1/2005 là 4.0‰ đến tháng 1/2010 đã lên tới 13,8‰ (tăng gấp hơn 3 lần trong vòng 5 năm).

Bảng 1. Tổng hợp đặc trưng nhiệt độ trung bình nhiều năm trạm KT Văn Lý (2000-2017)

(Đơn vị tính: ^oc)

Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Trung bình	16,6	17,3	19,3	23,2	27,2	29,2	29,4	28,7	27,6	25,1	22,0	18,4	23,7
Cao nhất TB	23,6	24,4	25,8	29,6	33,7	34,7	35,1	34,7	33,4	31,4	29,2	26,0	30,1
Cao nhất TĐ	32,0	35,4	34,0	35,3	38,9	38,8	39,0	36,8	36,0	33,8	34,0	29,3	39,0
Thấp nhất TB	9,5	10,2	12,7	16,7	20,8	23,2	23,7	23,6	21,9	18,1	14,2	10,3	17,1
Thấp nhất TĐ	6,5	5,9	6,9	12,7	17,5	19,6	13,8	22,3	16,7	13,9	10,4	5,7	5,7

(Nguồn: Trung tâm KTTV quốc gia, 2017)

Bảng 2. Lượng mưa TB nhiều năm tại các trạm ở huyện Giao Thủy và lân cận (2000-2017)

(Đơn vị tính: mm)

Trạm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng	Mùa Mưa	Mùa khô
Văn Lý	26,8	27,8	43,9	59,7	146,9	163,4	198,2	337,2	394,6	234,0	79,2	28,1	1739,7	1474,3	259,2
Giao Thủy	26,9	29,1	41,9	71,3	168,0	173,8	195,7	310,4	367,1	208,5	68,7	23,6	1685,0	1423,6	262,5
Ba Lạt	38,8	37,5	50,8	70,8	175,7	171,6	225,8	369,3	384,2	197,3	71,1	29,2	1787,6	1523,8	266,9

(Nguồn: Trung tâm KTTV quốc gia, 2017)

Bảng 3. Hiện trạng và biến động đất nông nghiệp huyện Giao Thủy năm 2017

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2017		So với năm 2010		So với năm 2000	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tăng (+), Giảm (-)	Diện tích (ha)	Tăng (+), Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	16593,40	69,79	16685,2	-91,80	16890,52	-297,12
1.1	Đất trồng lúa	7484,14	31,48	7870,4	-386,26	8308,52	-824,38
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	222,76	0,94	324,2	-101,44	285,65	-62,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1458,91	6,14	1403,4	55,51	1401,21	57,70
1.4	Đất lâm nghiệp	1776,53	7,47	2481,9	-705,37	2495,92	-719,39
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	5108,99	21,49	4066,8	1042,19	3833,89	1275,10
1.6	Đất làm muối	451,89	1,90	515,5	-63,61	557,78	-105,89
1.7	Đất nông nghiệp khác	90,18	0,38	23,0	67,18	7,55	82,63

(Nguồn: Tổng hợp từ phòng TN&MT huyện Giao Thủy)

Ngoài ra các hiện tượng thời tiết cực đoan khác cũng gây thiệt hại đáng kể đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như bão lũ, ngập lụt, rét đậm rét hại, nắng nóng, hạn hán. Tiêu biểu như năm 2017, Bão số 2, ngày 15/9 đổ vào tỉnh Nam Định, Thái Bình và Bắc Trung Bộ gây mưa lớn trên toàn huyện, thiệt hại: 82.000 ha hoa màu, bị ngập dập nát, 13.000 cột điện bị gãy. Tổng thiệt hại khoảng trên 150 tỷ đồng. Đợt rét đậm rét hại từ 11-20/2/2014, nhiệt độ ban đêm 8,7-10°C đã làm lúa vụ chiêm Xuân mới cấy chết khoảng trên 1.000 ha.

Những thay đổi về sử dụng đất nông nghiệp

Trong vòng 17 năm từ năm 2000 đến năm 2017, diện tích đất nông nghiệp của huyện Giao Thủy giảm 297,12 ha (giảm 1712,55 ha, tăng 1415,43 ha), trong đó thay đổi nhiều nhất là các loại đất sau: diện tích đất trồng lúa giảm nhiều nhất, từ năm 2000 tới năm 2017 giảm 824,38 ha (trung bình mỗi năm giảm 45,8 ha) [3], ngoài nguyên nhân là do chuyển sang đất phi nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và ổn định thu nhập, còn do sự thiếu hụt nước tưới và xâm nhập mặn: Đã có khoảng trên 1.000 ha đất canh tác chân cao sản xuất lúa và rau màu hàng năm vào mùa khô đều bị thiếu nước trầm trọng; có trên 500 ha đất canh tác bị ảnh hưởng mặn nặng (độ mặn trong đồng phổ biến từ 1, 2-3‰) dẫn tới việc canh tác lúa rất khó khăn, nhất là trong vụ Xuân, năng suất lúa ở các nơi này

thường giảm 20-25% so với các nơi khác, trong khi các chi phí thủy lợi tốn kém hơn, do đó người dân chuyển sang NTTS.

Đất lâm nghiệp từ năm 2010 trở lại đây có sự suy giảm đáng kể, khoảng hơn 700 ha diện tích rừng ngập mặn bị suy giảm do ảnh hưởng của nước biển dâng. NTTS tăng nhiều (khoảng hơn 1275 ha) ngoài chuyển từ đất trồng lúa, đất làm muối sang, còn do một phần diện tích đất ngoài đê chuyển sang đầm NTTS.

Sự thích ứng của người dân địa phương trong hoạt động sản xuất nông nghiệp

Biến đổi nguồn thu của hộ gia đình

So với năm 2000, tại thời điểm năm 2017, số hộ gia đình có nguồn thu từ việc trồng lúa trong huyện đã giảm từ 46.717 hộ xuống 40.579 hộ (tương đương 10,13%); số hộ có nguồn thu từ nuôi trồng thủy sản tăng từ 4415 hộ lên 5212 hộ (tăng 18%). Số hộ gia đình có nguồn thu từ các hoạt động phi nông nghiệp cũng gia tăng từ 25% năm 2010 lên tới 35% năm 2017 [4].

Sự chuyển biến về nguồn thu trong gia đình đã diễn ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, chủ yếu là năng suất trồng lúa, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản kém dần do phụ thuộc vào thời tiết. Vì thế, người dân phải tìm cách kiếm thêm nghề mới ổn định hơn, hoặc đi làm thêm nghề phụ lúc nông nhàn để cải thiện thu nhập. Đây là cơ sở và tiền đề cho sự biến đổi về nghề nghiệp của người dân để ứng phó với các khó khăn trong

cuộc sống trong đó có cả việc ứng phó với các tác động của thời tiết cực đoan.

Sự thích ứng trong các hoạt động trồng trọt

Các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra làm cho diện tích canh tác và năng suất giảm, cây sinh trưởng chậm, và đất bị xói mòn, thoái hóa. Người dân tại các xã điều tra đã sử dụng những phương thức ứng phó trong bảng 4.

Phương thức được các hộ gia đình sử dụng nhiều nhất đó là bỏ nhiều công lao động hơn và đầu tư nhiều chi phí hơn (65,3%). Người dân phải bỏ nhiều công lao động hơn vì phải đi cấy lại cũng như phun thuốc trừ sâu nhiều lần. Phương án thay đổi phương thức canh tác, trong đó có thay đổi giống lúa cũng được người dân áp dụng nhiều để ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan (45%). Người dân đã lựa chọn những giống lúa ngắn ngày, năng suất cao và chịu được mặn, ngập ứng để thay thế cho những giống lúa truyền thống

trước đây. Thay đổi từ trồng lúa sang các loại cây hàng năm khác cũng là phương án được nhiều người dân lựa chọn do tình trạng hạn hán vào tháng 1 đến tháng 4 hàng năm khiến cho không đủ nước tưới cho lúa. Do đó, cần có biện pháp hỗ trợ để nhằm hạn chế tác động tiêu cực của hạn hán gây ra. Ngoài ra, ở các khu vực đất trũng, chính quyền cho phép các hộ dân chuyển đổi sang thành đầm nuôi tôm, cua, ngao, cho hiệu quả cao hơn nhiều.

Những phương án khác như tăng hoặc giảm quy mô sản xuất, dừng sản xuất có xảy ra trên thực tế nhưng với tỷ lệ thấp hơn. Mặc dù vậy, cũng có đến 11% tổng số hộ được phỏng vấn đã phải dừng hẳn việc sản xuất, hay 13% số hộ có một số lao động chuyển sang làm nghề khác hoặc 17% chuyển hẳn đến nơi khác làm ăn, cho thấy những ảnh hưởng của thời tiết cực đoan đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Phương thức ứng phó trong canh tác nông nghiệp

Hoạt động ứng phó	Tổng số
Đầu tư nhiều chi phí, công lao động hơn	65,3
Thay đổi phương thức canh tác	45,0
Giảm quy mô sản xuất	3,5
Tăng quy mô sản xuất	0,9
Dừng sản xuất	11,0
Một số lao động trong hộ chuyển sang làm nghề khác	13,0
Một số lao động trong hộ di chuyển đến địa phương khác làm ăn	17,0
Không thay đổi gì cả	13,9

(Đơn vị tính: %)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Sự thích ứng trong hoạt động nuôi trồng thủy sản

Hoạt động nuôi trồng thủy sản dưới tác động của thời tiết cực đoan bị tác động tiêu cực về nhiều mặt như thủy sản sinh trưởng chậm, năng suất giảm, môi trường nước bị thay đổi.

Bảng 5. Phương thức ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan trong nuôi trồng thủy sản

Hoạt động ứng phó	Tổng số
Đầu tư nhiều chi phí, bỏ nhiều công lao động hơn	70,5
Thay đổi phương thức nuôi trồng	10,0
Thay đổi giống thủy hải sản	14,0
Tăng quy mô nuôi trồng	5,0
Giảm quy mô nuôi trồng	4,0
Dừng nuôi trồng	12,0
Một số lao động trong hộ chuyển sang làm nghề khác	0
Một số lao động trong hộ di chuyển đến địa phương khác làm ăn	0
Không thay đổi gì cả	0

(Đơn vị tính: %)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Cách ứng phó mà các hộ áp dụng nhiều nhất vẫn là đầu tư nhiều chi phí hơn, bỏ nhiều công lao động hơn (70.5%). Tiếp đến là 14% số hộ lựa chọn thay đổi giống thủy hải sản, ví dụ nhiều hộ chuyển từ nuôi Ngao đỏ sang Ngao trắng,... Ngoài ra, người dân cũng tiến hành thay đổi cơ cấu thủy sản như hình thành các vùng chuyên canh, các đầm Tôm sú, các đầm Ngao giống, Ngao thịt..., 12% các hộ được hỏi đã lựa chọn biện pháp dùng không nuôi trồng nữa do không có khả năng về kinh tế để đền bù lại những thiệt hại và 10% số hộ đã thay đổi phương thức nuôi trồng, ví dụ như trước đây họ có thể nuôi 2-3 vụ/năm, nhưng bây giờ chỉ tập trung đầu tư vào 1 vụ; tuy nhiên 1 vụ này cũng có rủi ro cao bị mất trắng, ngược lại 5% số hộ được hỏi trả lời họ tăng quy mô nuôi trồng, con số này chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của địa phương, trong thời gian tới cần có giải pháp để mở rộng khả năng nuôi trồng thủy sản vì đây là ngành nghề đem lại thu nhập cao so với các ngành nghề khác như trồng trọt.

Đề xuất giải pháp tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Cần hỗ trợ người dân mở rộng các ngành nghề ngoài nông nghiệp để tăng nguồn thu cho các hộ gia đình, giảm nguy cơ mất an toàn lương thực do nguồn thu phụ thuộc lớn vào hoạt động nông nghiệp, khôi phục các ngành nghề truyền thống cùng với phát triển các ngành nghề mới như trồng nấm, chế biến hải sản, may mặc, cơ khí.

- Để ứng phó với hiện tượng hạn hán ngoài việc chuyển đổi những loại cây trồng có khả năng chống chịu cao, chính quyền cần hướng dẫn người dân áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước như tưới phun, tưới nhỏ giọt, tưới nông lộ phơi cho lúa. Đầu tư nâng cấp hệ thống tưới – tiêu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước.

- Chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp khai thác thủy sản; sản xuất giống thủy sản nhân tạo để tái tạo và phục hồi nguồn lợi thủy sản. Phát triển mô hình NTTS gắn với bảo tồn hệ sinh thái bãi bồi, rừng ngập mặn. Nghiên cứu cải tiến những công nghệ nuôi, đối tượng nuôi mới; những công nghệ khai thác phù hợp với vấn đề nước biển dâng và mưa, bão.

KẾT LUẬN

- Sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan là một trong những nguyên nhân dẫn tới thay đổi sử dụng đất tại địa phương: diện tích đất trồng cây hàng năm bị thu hẹp, diện tích NTTS tăng lên.

- Phương thức được các hộ gia đình sử dụng nhiều nhất để ứng phó đó là bỏ nhiều công lao động, đầu tư nhiều chi phí hơn và thay đổi cơ cấu cây trồng, thủy sản để phù hợp điều kiện địa phương. Tìm kiếm thu nhập từ các ngành nghề ngoài nông nghiệp cũng là biện pháp được nhiều hộ sử dụng.

- Giải pháp được kiến nghị nhằm hỗ trợ người dân trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu như áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, nâng cấp hệ thống tưới tiêu; Kết hợp trồng rừng gắn với bảo vệ cảnh quan, đê biển, và NTTS ven biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia (2017), *Đặc điểm khí tượng thủy văn tỉnh Nam Định năm 2000, 2001, 2017*, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, (2016), *Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội
3. Phòng Tài Nguyên Môi trường huyện Giao Thủy (2017), *Thông kê đất đai năm 2000, 2010, 2017*, Giao Thủy, Nam Định
4. Ủy ban Nhân dân huyện Giao Thủy (2017). *Niên giám thống kê huyện Giao Thủy năm 2017*, Giao Thủy, Nam Định.

SUMMARY

**ASSESSING THE AGRICULTURAL LAND USE CHANGE
UNDER THE CLIMATE CHANGE CONTEXT IN GIAO THUY DISTRICT,
NAM DINH PROVINCE****Vũ Thị Thu****Vietnam National University of Agriculture*

In recent years, climate change has become a big concern in developing countries all over the world, especially in Vietnam. The study analyses the impacts of climate change on agricultural land use in Giao Thuy district – Nam Dinh province, a coastal district of northern Vietnam where so many natural disasters hit annually. Besides collecting the secondary data, interviews were conducted to find out adaptive measures. The upward trend of severe weather phenomena, for instance the increase of annual temperature, averaged precipitation total.. contributed to the decrease of agricultural land area, the reduction of agricultural productivity and quality. Farmers have applied some measures to adapt to climate change and got some expected outcomes. However, due to the variable of climate, low-income agricultural activities, the households often find non-agriculture jobs to maintain the life.

Keywords: *Climate change, Giao Thuy, Nam Dinh, land use changes, agricultural land.*

Ngày nhận bài: 01/3/2018; Ngày phản biện: 12/3/2018; Ngày duyệt đăng: 21/3/2018

* *Tel: 0984711635; Email: vuthithucp@gmail.com*

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Nghiêm Thi Ho Thu - Formation basis of Ngọc Giao's prose characteristics	3
Vu Thi Hanh - From new consciousness of gender characteristics to new women in Vietnamese novels at the beginning of 21 st century	9
Phạm Thi Ngọc Anh - Applications of water-wave icons on contemporary sculpture of monuments in Viet Nam	15
Phung Phuong Nga, Doan Duc Hai - Symbols in Nguyen Xuan Khanh's novels (the cases of novels <i>Hồ Quý Ly</i> , <i>Mẫu thượng ngàn</i> , and <i>Đội gạo lên chùa</i>)	21
Vu Thuy Hang, Doan Thi Hong Nhung - Discussion on classification of the motherworship religion	25
Phạm Văn Hưng, Nguyễn Huy Hưng, Nguyễn Thị Thu Hương - Thai Nguyen University's assessment of program learning outcomes through the assessment of senior students near their completion of their undergraduate degree	31
Hoàng Duy Tuông - Solutions to enhance physical education efficiency for students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy – Thai Nguyen University	37
Hoàng Thu Thủy, Lý Trung Thành - Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh – who set the foundation for the special relationship between Vietnam and Laos	45
Trần Thị Lan - Applying the tectonic theory to teaching "the basic principles of the Marxism - Leninism" in universities	49
Nguyễn Thanh Tú - Some solutions to enhance the quality of teaching and learning English at University of Transport Technology, Thai Nguyen Campus	55
Nguyễn Thị Hoài Thu - Methods of active teaching for efficient development of Vietnamese speaking skill for foreign students at Military Technical Academy	61
Ngô Thị Lan Anh, Võ Văn Tri - Necessity of educating the consciousness of ecological environment protection for youth in Long Xuyen city, An Giang province	67
Le Van Hieu - Communications projected by the model "propaganda department" in communes, wards, township and "commander" in villages, cities in Bac Ha district (Lao Cai province)	73
Trần Hoàng Tinh, Trần Văn Khanh, Nguyễn Trung Kiên - Strengthen examination and evaluation of disciplinary education activities for students at national defense and security education centers in the current phase	79
Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Thị Hoàng Lan - Renovation of legal education content in the bachelor's degree program in political education of Thai Nguyen University of Education to meet the requirements of the new general education curriculum	85
Đo Thị Ngọc Phương, Trần Thị Thảo - Project power in the study of the English written language used by the second-year English majors at Thai Nguyen University of Education	91
Vu Đình Bắc, Lý Mai Hương, Hoàng Thị Hồng Hạnh - Using group-work activities to improve English speaking skill for the first year English majors at Thai Nguyen University of Education	97
Nguyễn Thị Hằng, Lê Thị Quyên, Nguyễn Lê Mai, Vu Thị Lenh - Organizing the experiential learning in teaching the theme "pests and disease of plants" (Technology 10 in high school)	103
Nguyễn Thị Khuông - Applying the flipped classroom model in teaching citizen education subject in high school	109
Lai Thu Uyên, Vu Đình Bắc, Nguyễn Thanh Long - Enhance grammar of third-year students of English major through peer check at Thai Nguyen University of Education	115
Nguyễn Thị Hồng Chuyền, Hà Thị Nhu Quỳnh - Imitation technique in improving 2 nd year non-English major students' oral competence discourse at Thai Nguyen University of Education	121

Nguyen Nam Ha, Nguyen Thi Thuy - Assessment on physical condition of students at Thai Nguyen University	127
Vu Thi Thanh Thuy, Chu Van Trung, Cao Thuy Linh - Research on the current and potential developments of Thai Nguyen tourism industry	133
Tran Thi Ngoc Ha - Researching household economy model for sustainable management and use on sloping land in tea growing areas in La Bang commune, Dai Tu district, Thai Nguyen province	139
Nguyen Van Tam, Ha Thi Hoa, Bui Thi Minh Ha, Le Thi Hoa Sen, Dang Thi Huong - Impact of resource factors on livelihood diversification of tea growing households in Dai Tu district, Thai Nguyen province	143
Hoang Van Hai, Hoang Thi Thu Hang - The effects of fertilizers on rice yield in Thai Nguyen	149
Dang Thuong Hoai Linh, Ly Thu Trang - The international and Vietnamese laws on protection of well-known trademarks	155
Do Tuyet Ngan - The role of women with community based tourism development in Nghia Lo town, Yen Bai province	163
Vu Thi Thu - Assessing the agricultural land use change under the climate change context in Giao Thuy district, Nam Dinh province	169
Pham Thi Thanh Mai, Tran Le Kim, Nguyen Thi Lan - Enhancing the application of science and technology advances into tea production in Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Bich Hanh, Nguyen Thi Thu Thuy - Assessment of efficiency of agricultural land use in Yen Phuc commune, Van Quan district, Lang Son province	181
Dang Quynh Trinh, Tran Van Hung - Business income tax inspection for non-state enterprises in Pho Yen district, Thai Nguyen province	187